|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN** |  **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |
| --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Sư phạm Giáo dục Tiểu học** | **Mã số:**  |

|  |
| --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. **Thông tin chung**
 |
| Tên học phần: CƠ SỞ KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 2 | **1.2. Tên tiếng Anh:**Natural science basis and teaching methods(part 2 - Biology) |
| **1.3. Mã học phần:**  | **1.4. Số tín chỉ: 2** |
| **1.5. Phân bố thời gian:**  |  |
| **-** Lý thuyết:  | 21 tiết |
| - Bài tập  | 9 tiết  |
| - Tự học:  | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính:  | TS. Đinh Thị Thanh Trà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | GV chuyên ngành Sinh học |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Tiếp cận và xác định đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng đổi mới giáo dục và chương trình SGK ở bậc phổ thông. Kịp thời đáp ứng những yêu cầu về chương trình và sách giáo khoa mới. Hiểu biết về xã hội và môi trường, có kỹ năng giao tiếp, sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Có khả năng giảng dạy tốt môn Tự nhiên xã hội và Khoa học ở trường tiểu học. khám phá thế giới tự nhiên xung quanh; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn, học cách ứng xử phù hợp với tự nhiên.

**2.2.2. Về kỹ năng**

- Vận dụng kiến thức và thực hành tốt quá trình dạy học môn học Tự nhiên xã hội Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành giáo dục và xã hội và Khoa học trường tiểu học.

**2.2.3. Về thái độ**

- Có ý thức trách nhiệm, có thái độ đúng đắn theo quan điểm đổi mới giáo dục. Tự rèn luyện và phát triển toàn diện nhân cách, tác phong, phẩm chất người giáo viên, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân. Phát triển tình yêu con người, thiên nhiên; ý thức bảo vệ sức khoẻ con người và cộng đồng.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung chuẩn đầu ra CLO** |
| CLO 1 | Hiểu được các kiến thức cơ bản về đa dạng sinh học, các nhóm sinh vật, con người và môi trường sinh thái |
| CLO 2 | Hệ thống hóa được kiến thức sinh học trong chương trình TNXH, Khoa học ở Tiểu học. |
| CLO 3 | Biết vận dụng kiến thức để thiết kế bài dạy môn học TNXH và Khoa học trong chương trình tiểu học |
| CLO 4 | Hiểu được mục tiêu và nội dung chương trình TNXH, Khoa học ở Tiểu học.  |
| CLO 5 | Thiết kế, biên soạn và tổ chức giảng dạy các bài học trong chương trình TNXH và Khoa học |
| CLO 6 | Nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy học TNXH và Khoa học ở trường tiểu học. Có ý thức hợp tác, cộng tác, tiếp nhận các ý kiến khác biệt trong quá trình thực hành giảng dạy. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau: **Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO 1 | I | M | R | R | M | R | R | R | R | R | R |
| CLO 2 | I | M | R | M | R | R | R | R | R | R | R |
| CLO 3 | I | M | R | R | M | M | M | M | R | M | R |
| CLO 4 | I | M | M | M | R | M | R | R | R | M | M |
| CLO 5 | I | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M |
| CLO 6 | I | M | M | M | M | M | R | R | M | M | M |
| Tổng hợp học phần | I | M | M | M | M | M | M | R | R | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

***a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá***

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric****(đánh dấu X nếu có)** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% |  |  |  | CLO 1,2,3,4,5,6 | Quan sát, điểm danh:- Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc- Tích cực tham gia xây dựng bài |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 15% | Tuần 5: Phần 1 |  |  | CLO 1,2,3, | Viết, chấm bài thảo luận  |
| A3. Bài tập | 15% | Thực hành  |  |  | CLO 4,5,6 | Chấm bài giáo án, thực hiện thực tập giảng dạy trên lớp |
| A4. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài thi kết thúc học phần |  |  | CLO 1CLO 2CLO 3CLO 4CLO 5CLO 6 | Viết |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/****Buổi**(3tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**  | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bàiđánh giá(ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Phần 1: Cơ sở Khoa học sinh học****Bài mở đầu:**1. Giới thiệu chung về thế giới sinh vật2. Đa dạng sinh học3. Hệ sinh thái**Chương 1: Virus, vi khuẩn, nấm**1. Virus2. Vi khuẩn3. Nấm | **3** | - Hiểu được khái niệm và tầm quan trọng của đa dạng sinh học.- Phân tích được mối liên hệ giữa các sinh vật trong tự nhiên thông qua chuỗithức ăn và hệ sinh thái.Trình bày được đặc điểm sinh học, vai trò của virus, vi khuẩn, nấm.Vận dụng được kiến thức trong dạy học và thực tiễn | CLO 1CLO 2CLO 3CLO 5 | - GV sử dụng tài liệu, máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài học, chương 1. | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Thực vật**1. Vai trò của thực vật trong thiên nhiên và đời sống con người.2. Cơ quan sinh dưỡng của thực vật3. Sinh sản ở thực vật4. Các yếu tố sinh thái ảnh hưởng đến thực vật5. Sự trao đổi chất ở thực vật 5.1. Quang hợp5.2. Quá trình hô hấp5.3. Trao đổi nước và dinh dưỡng khoáng ở thực vật | **3** | - Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của thực vật.− Hiểu được và vẽ được sơ đồ về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường.- Phân tích được vai trò của thực vật đối với môi trường và các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của thực vật.- Vận dụng được kiến thức trong dạy học và thực tiễn | CLO 1CLO 2CLO 3CLO 5 | - GV sử dụng tài liệu, máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài học, chương 2, - SV thảo luận, trao đổi trên lớp | A1. |
| 3 | **Chương 3: Động vật**I. Phân loại động vật 1. Động vật không xương sống2. Động vật có xương sốngII. Trao đổi chất ở Động vật 1. Trao đổi Protein2. Trao đổi lipit3. Trao đổi gluxit4. Trao đổi nước và muối khoángIII. Sinh trưởng và phát triển của động vật1. Các hình thức sinh sản ở ĐV2. Sinh trưởng và phát triển của động vật | **3** |  Hiểu được và sơ đồ hóa hệ thống phân loại các ngành động vật.- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của động vật.− Hiểu được sự trao đổi chất của động vật với môi trường.Vận dụng được kiến thức trong dạy học và thực tiễn | CLO 1CLO 2CLO 3CLO 5 | - GV sử dụng tài liệu, máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài học, chương 3.- SV thảo luận, trao đổi trên lớp | A1A2 |
| 4 | **Chương 4: Con người và sức khỏe**1. Sự sinh sản và phát triển ở người2. Dinh dưỡng ở người3. Nguyên nhân và cách phòng tránh một số bệnh thường gặp ở học sinh tiểu học 4. Các tai nạn thường gặp ở học sinh tiểu học  | **3** | Trình bày được quá trình sinh sản và phát triển ở người.Hiểu được các chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng đối với cơ thể.Vận dụng trong thực tiễn dạy học và cuộc sống | CLO 1CLO 2CLO 3CLO 5 | GV hướng dẫn các nhóm SV trình bày bài tập, nhận xét  | Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài học, chương 4.- SV thảo luận, trao đổi trên lớp | A1A2 |
| 5 | **Phần 2: Phương pháp dạy học****Chương 1: Mục tiêu, nội dung chương trình, cấu trúc SGK**  **môn TN -XH, Khoa học ở Tiểu học**1. Tìm hiểu chương trình môn TNXH 1,2,3 và Khoa học lớp 4,52. Tìm hiểu sách giáo khoa môn TNXH 1,2,3 và Khoa học lớp 4,5Bài tập: Tìm hiểu hệ thống kiến thức Sinh học trong chương trình TNXH, Khoa học ở tiểu học **Chương 2: Một số phương pháp, hình thức dạy học đặc trưng phần Sinh học trong môn TN-XH và Khoa học**I. Một số phương pháp dạy học đặc trưng phần Sinh học trong môn TN-XH và Khoa học1. Nghiên cứu và sử dụng phương pháp quan sát.2. Nghiên cứu và sử dụng phương pháp đàm thoại | **3** | - Phân tích được mục tiêu, nội dung và hệ thống kiến thức sinh học trong chương trình TNXH, Khoa học ở tiểu học | CLO 4CLO 5CLO 6 | GV hướng dẫn các nhóm SV trình bày bài tập, nhận xét. | - Phần chuẩn bị ở nhà: làm bài tập theo sự phân công.- SV thảo luận, trao đổi trên lớp | A1 |
| 6 | **Chương 2: Một số phương pháp, hình thức dạy học đặc trưng phần Sinh học trong môn TN-XH và Khoa học (tt)**3. Nghiên cứu và sử dụng phương pháp thảo luận4. Nghiên cứu và sử dụng phương pháp điều tra5. Nghiên cứu và sử dụng phương pháp thực hành, thí nghiệm**II. Một số hình thức tổ chức dạy học phần Sinh học trong môn tự nhiên - xã** hội và khoa học ở tiểu học1. Tìm hiểu hình thức dạy học trong lớp 2. Tìm hiểu hình thức dạy học ngoài lớp và tham quan  | 3 | - Hiểu và vận dụng các phương pháp, hình thức dạy học đặc trưng phần Sinh học trong môn TN-XH và Khoa học  | CLO 4CLO 5CLO 6 | GV hướng dẫn các nhóm SV trình bày bài tập, nhận xét. | - Phần chuẩn bị ở nhà: làm bài tập theo sự phân công.- SV thảo luận, trao đổi trên lớp | A1 |
| 7 | **Chương 2: Một số phương pháp, hình thức dạy học đặc trưng phần Sinh học trong môn TN-XH và Khoa học (tt)****III Hướng dẫn dạy học theo chủ đề**1. Hướng dẫn dạy học chủ đề Con người và sức khoẻ 2. Hướng dẫn dạy học chủ đề thực vật và động vật3. Hướng dẫn dạy học chủ đề sinh vật và môi trường | **3** |  |  |  |  |  |
| 8 | Bài tập: Thiết kế giáo án và tập giảng | **3** | - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng để thiết kế giáo án và giảng dạy cho học sinh ở trường tiểu học. | CLO 4CLO 5CLO 6 | SV tập giảng, GV và các SV khác nhận xét, rút kinh nghiệm | - Phần chuẩn bị ở nhà: làm bài tập theo sự phân công.- SV thảo luận, trao đổi trên lớp | A1A3 |
| 9 | Bài tập: Thiết kế giáo án và tập giảng | **3** | - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng để thiết kế giáo án và giảng dạy cho học sinh ở trường tiểu học. | CLO 4CLO 5CLO 6 | SV tập giảng, GV và các SV khác nhận xét, rút kinh nghiệm | - Phần chuẩn bị ở nhà: làm bài tập theo sự phân công.- SV thảo luận, trao đổi trên lớp | A1A3 |
| 10 | Bài tập: Thiết kế giáo án và tập giảng | **3** | - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng để thiết kế giáo án và giảng dạy cho học sinh ở trường tiểu học. | CLO 4CLO 5CLO 6 | SV tập giảng, GV và các SV khác nhận xét, rút kinh nghiệm | - Phần chuẩn bị ở nhà: làm bài tập theo sự phân công.- SV thảo luận, trao đổi trên lớp | A1A3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | Viết | CLO 1,2,3,4,5,6 |  |  | A4 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,****tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/****nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** |
| 1 | Đinh Thị Thanh Trà  | 2022 | Bài giảng Cơ sở Khoa học tự nhiên và Phương pháp giảng dạy (Phần Sinh học) | Trường Đại học Quảng bình |
| 2 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2007 | Tự nhiên - xã hội và pp dạy học Tự nhiên - xã hội: Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ CĐ và ĐHSP | NXB Giáo dục |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** |
| 3 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2018 | Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (trong chương trình giáo dục phổ thông mới) |  |
| 4 | SGK, SGV môn TNXH lớp 1,2,3 và Khoa học lớp 4,5 |  |  |  |
| 5 | Nguyễn Hữu Hợp | 2013 | Lí luận dạy học Tiểu học | ĐHSPHN |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương**  |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường | Máy tính, máy projector,Bảng đen, phấn viết |  | Phần 1Phần 2 |

**9. Tiêu chí đánh giá**

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Chuyên cần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** |  |  | **Mức độ đạt chuẩn quy định** |  | **Trọng** |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **đánh giá** | **MỨC F** | **MỨC D** | **MỨC C** | **MỨC B** | **MỨC A** | **số** |  |
| **(0-3.9)** | **(4.0-5.4)** | **(5.5-6.9)** | **(7.0-8.4)** | **(8.5-10)** |  |
|  |  |  |
| Chuyên | Không đi học | Đi học không chuyên cần | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần | **50%** |  |
| cần | (<30%). | (<50%). |  |  | (100%). |  |  |
|  | Không tham gia | Hiếm khi tham gia phát biểu, | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, | Thường xuyên phát biểu và trao đổi | Tham gia tích cực các hoạt động |  |  |
| Đóng góp | hoạt động gì tại | đóng gớp cho bài học tại lớp. | trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu | ý kiến liên quan đến bài học. Các | tại l ớp: phát biểu, trao đổi ý kiến | **50%** |  |
| tại lớp | lớp | Đóng góp không hiệu quả. | ít khi có hiệu quả. | đóng góp cho bài học là hiệu quả. | liên quan đến bài học. Các đóng |  |  |
|  | góp rất hiệu quả. |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

Bài tập

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** |  |  |  | **Mức độ đạt chuẩn quy định** |  | **Trọng** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **đánh giá** | **MỨC F** | **MỨC D** | **MỨC C** | **MỨC B** | **MỨC A** | **số** |  |
| **(0-3.9)** | **(4.0-5.4)** | **(5.5-6.9)** | **(7.0-8.4)** | **(8.5-10)** |  |
|  |  |  |
|  | Không | nộp | Nộp bài tập 70% số lượng | Nộp bài tập đầy đủ (100% số | Nộp bài tập đầy đủ (100% số | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng |  |  |
| Nộp bài tập | bài tập. |  | bài tập được giao. Chưa | lượng được giao). Một số bài tập | lượng được giao). Hầu hết bài | được giao). Đúng thời gian quy | **20%** |  |
|  |  | đúng thời gian quy định. | nộp chưa đúng thời gian quy định. | tập nộp đúng thời gian quy | định. |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | định. |  |  |  |
|  | Không | có | Bài tập trình bày lộn xộn, | Bài tập trình bày đúng yêu cầu | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng |  |  |
|  | bài tập |  | không đúng yêu cầu về trình | (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). | đúng yêu cầu (font chữ, cỡ | yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản |  |  |
| Trình bày |  |  | bày (font chữ, cỡ chữ, giản | Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong | chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng | dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử | **30%** |  |
| bài tập |  |  | dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử | bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một | biểu sử dụng trong bài tập rõ | dụng trong bài tập rõ ràng, khoa |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  | dụng trong bài tập không | số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính | ràng, phù hợp. Ghi chú, giải | học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp |  |  |
|  |  |  | phù hợp. | tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | thích đầy đủ, hợp lý. | lý. |  |  |
|  | Không | có | Nội dung bài tập không đầy | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, |  |  |
| Nội dung bài | bài tập |  | đủ, một số không đúng theo | yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa | lý, đúng theo yêu cầu nhiệm | đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính | **50%** |  |
| tập |  |  | yêu cầu nhiệm vụ. | hợp lý. Còn một số sai sót trong | vụ. Tính toán đúng, rõ ràng. | toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  | tính toán. |  | toàn hợp lý. |  |  |

Thảo luận nhóm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh** |  |  |  |  | **Mức độ đạt chuẩn quy định** |  | **Trọng** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **giá** | **MỨC F** |  | **MỨC D** | **MỨC C** | **MỨC B** | **MỨC A** | **số** |  |
| **(0-3.9)** |  | **(4.0-5.4)** | **(5.5-6.9)** | **(7.0-8.4)** | **(8.5-10)** |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  | Trách nhiệm và nhiệm | Mỗi thành viên có nhiệm vụ công |  | Nhiệm vụ công việc của mỗi thành |  |  |
|  | Không có sự làm | vụ công việc của các | Nhiệm vụ công việc rõ ràng | viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy |  |  |
| Tổ chức nhóm | thành viên trong nhóm | việc riêng nhưng không rõ ràng | và phù hợp với khả năng của | thế mạnh của các thành viên trong | **30%** |  |
| việc nhóm |  | và không phù hợp với khả năng |  |
|  |  |  |  | không được phân công | của thành viên trong nhóm. | mỗi thành viên trong nhóm. | nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa |  |  |
|  |  |  |  | cụ thể. |  |  | các thành viên. |  |  |
| Tham gia làm |  |  |  |  |  |  | 100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, |  |  |
| việc nhóm | < 30% |  |  | <50% | <70% | <90% | **20%** |  |
|  |  | thảo luận của nhóm) |  |
| (chuyên cần) |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Không | bao | giờ | Hiếm khi tham gia vào |  | Thưởng xuyên tham gia thảo | Luôn tham gia thảo luận nhóm và |  |  |
|  | tham gia vào việc | Thỉnh thoảng tham gia thảo luận |  |  |
| Thảo luận | thảo | luận | của | thảo luận nhóm và đóng | nhóm và đóng góp ý kiến. | luận nhóm và đóng góp ý kiến | đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các | **20%** |  |
|  | nhóm. |  |  | góp ý kiến. |  | hay. | hoạt động của nhóm. |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Không | bao | giờ |  | Hợp tác, phối hợp với nhóm. | Hợp tác, phối hợp với nhóm. | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn |  |  |
| Phối hợp nhóm | phối hợp, hợp | tác | Hiếm khi hợp tác, phối | Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẽ | Thường xuyên tôn tr ọng và | luôn tôn trọng và chia sẽ kinh nghiệm | **20%** |  |
|  | với nhóm. |  | hợp làm việc nhóm. | kinh nghiệm từ các thành viên | chia sẽ kinh nghiệ m từ các | từ các thành viên khác của nhóm. |  |  |

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2023*

**Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn**

PGS.TS. Nguyễn Thành Chung TS. Lê Thị Bạch Liên TS. Đinh Thị Thanh Trà